

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ**

Tỉnh Bến Tre

Bản án số: **213/2019/DS-ST**

Ngày: 10/7/2019

V/v tranh chấp “*Hợp đồng
mua bán tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Hai

2. Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2019/TLST-DS ngày 09/4/2019 về tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1141/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2019/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2019 và Quyết định thay đổi hội thẩm nhân dân số: 1681/2019/QĐ-CA ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Văn L, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 121/30, đường HP, phường XX, quận YY, thành phố HCM (đại diện Hộ kinh doanh Đại lý QT).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Dương KH, sinh năm 1964. Nơi cư trú: D2, cư xá PLB, phường X, quận Y, thành phố HCM. Có mặt.

2. *Bị đơn:* ông Lê Minh T, sinh năm 1974 và bà Trần Thị B, sinh năm 1982.

Cùng nơi cư trú: Số XX, ấp TL, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ông T ủy quyền cho bà B tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 10 tháng 7 năm 2019. Bà B có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 09/4/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn L là ông Nguyễn Dương KH trình bày:

Từ năm 2012 đến năm 2014 ông Lê Minh T, bà Trần Thị B có mua thức ăn thủy sản, thuốc để nuôi tôm của đại lý QT (do ông Lê Văn L là người đại diện), hai bên thỏa thuận khi kết thúc vụ nuôi thì bên mua thanh toán tiền. Tổng kết nợ đến ngày 01/01/2015 thì ông T, bà B còn nợ đại lý số tiền 136.053.000đồng, nhiều lần anh L nhắc nhở yêu cầu ông T, bà B thanh toán tiền nhưng ông T, bà B không thanh toán cho đến nay.

Tại phiên tòa, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Minh T, bà Trần Thị B có trách nhiệm liên đới trả cho đại lý QT một lần hết số nợ gốc 136.053.000đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2016 (24 tháng) với mức lãi 0,75%/tháng thành tiền là 24.489.540 đồng (tính chẵn là 24.489.000đồng) và từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/7/2019 (30 tháng) với mức lãi 0,83%/tháng thành tiền là 33.877.197 đồng (tính chẵn là 33.877.000 đồng).

Tổng số tiền ông T, bà B phải trả cho ông L là 136.053.000 đồng + 58.366.000 đồng = 194.419.000 đồng (tính chẵn là 194.400.000 đồng), yêu cầu trả một lần.

Tại bản tự khai ngày 17/4/2019 và trong quá trình tố tụng bị đơn bà Trần Thị B (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Minh T) trình bày:

Bà thừa nhận vợ chồng bà có mua thức ăn, thuốc thủy sản của đại lý QT (do ông Lê Văn L là người đại diện) để nuôi tôm tạo thu nhập cho gia đình từ nhiều năm trước, hai bên thỏa thuận kết thúc vụ nuôi thì thanh toán tiền, nhưng năm đầu nuôi có lời nên thanh toán tiền đầy đủ cho đại lý QT. Đến vụ mua năm 2014 do nuôi tôm thua lỗ nên không có tiền thanh toán và hai bên có tổng kết nợ vào ngày 01/01/2015 số tiền vợ chồng bà còn nợ đại lý QT là 136.053.000đồng và đến nay chưa thanh toán số nợ này.

Tại phiên tòa bà và ông T đồng ý liên đới trả cho đại lý QT số nợ gốc là 136.053.000đồng và do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần. Đối với khoản tiền lãi 58.366.000 đồng thì bà và ông T không đồng ý trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Lê Văn L tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn ông Lê Minh T, bà Trần Thị B theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đã cùng thống nhất thời gian các bên xác lập, thực hiện hợp đồng mua bán tài sản từ năm 2012 đến năm 2014. Như vậy lúc các bên xác lập, thực hiện hợp đồng mua bán tài sản Bộ luật dân sự 2005 đang có hiệu lực nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết.

[3] Về nội dung: Theo trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Dương KH và bị đơn ông Lê Minh T, bà Trần Thị B đều thống nhất hai bên có xác lập và thực hiện hợp đồng mua bán thức ăn, thuốc thủy sản để nuôi tôm từ năm 2012 đến năm 2014, tính đến khi hai bên kết thúc việc mua bán thì ông T và bà B còn nợ của đại lý QT (do ông Lê Văn L làm đại diện) số tiền gốc 136.053.000 đồng. Hợp đồng mua bán được ông L và ông T, bà B được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp và công nhận theo quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005.

Hai bên cùng thống nhất khi thực hiện hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm thì bên mua là ông T, bà B có nghĩa vụ trả tiền sau khi kết thúc vụ nuôi. Xét thấy, việc mua bán giữa hai bên đã kết thúc từ năm 2014, tổng kết nợ vào ngày 01/01/2015 ông T, bà B còn nợ số tiền gốc 136.053.000 đồng nhưng không trả là vi phạm nghĩa vụ thanh toán vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005 nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông T và bà B có trách nhiệm liên đới trả cho ông L 136.053.000 đồng.

[4] Do ông T và bà B không thanh toán tiền đúng như thỏa thuận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005 ông T và bà B còn phải trả lãi kể từ ngày chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 nên yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lãi và mức lãi suất là phù hợp với quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2016 (24 tháng) với mức lãi 0,75%/tháng thành tiền 24.489.000 đồng (tính chẵn) và từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/7/2019 (30 tháng) với mức lãi 0,83%/tháng thành tiền 33.877.000 (tính chẵn) nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả lãi, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lãi với tổng cộng số tiền lãi là 58.366.000 đồng (tính chẵn)

Số tiền gốc và tiền lãi ông T, bà B phải trả cho ông L tổng cộng là 194.419.000 đồng (tính chẵn là 194.400.000 đồng).

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn L được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Lê Minh T, bà Trần Thị B phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định theo quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 428, 438, 305 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn L. Buộc ông Lê Minh T, bà Trần Thị B phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Văn L số tiền là 194.400.000 (Một trăm chín mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn) đồng

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Minh T, bà Trần Thị B có nghĩa vụ liên đới nộp: 9.720.000 (Chín triệu, bảy trăm, hai mươi nghìn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ông Lê Văn L được Chi cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.300.000 (Năm triệu, ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001703, ngày 09 tháng 4 năm 2019

Đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết